

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ CÂN, ĐO LẦN I
Ngày 20 tháng 9 năm 2024

Stt	Tên lớp	Sĩ số lớp	Số trẻ được cân đo	Số Trẻ PTBT	số trẻ nhẹ cân	số trẻ thấp còi	số trẻ TC, BP	GHI CHÚ
1	2 Tuổi A	11	11	10	1	0	0	
2	2 Tuổi B	10	10	10	0	0	0	
3	2 Tuổi C	12	12	12	0	0	0	
4	2 Tuổi D	14	14	14	0	0	0	
5	3 tuổi A	19	19	19	0	0	0	
6	3 tuổi B	19	19	19	0	0	0	
7	3 tuổi C	24	24	23	0	1	0	
8	3 tuổi D	20	20	20	0	0	0	
9	4 tuổi A	30	30	28	1	1	0	
10	4 tuổi B	32	32	30	1	1	0	
11	4 tuổi C	30	30	30	0	0	0	
12	4 tuổi D	21	21	20	0	1	0	
13	5 tuổi A	24	24	23	0	1	0	
14	5 tuổi B	28	28	27	0	1	0	
15	5 tuổi C	31	31	30	0	0	1	
16	5 tuổi D	35	35	35	0	0	0	
Tổng số trẻ:		360	360	350	3	6	1	
Tỷ Lệ:		100%		97,2%	0,8%	1,7%	0,3%	

NGƯỜI DUYỆT
HIỆU TRƯỞNG

NGƯỜI TỔNG HỢP
Y TẾ



Nguyễn Thị Lương

Lê Thị Thúy Ân



PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG MẦM NON KIM SƠN

BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE

Lớp 2TA., Ngày 20, Tháng 9, Năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng
1	Bùi Bình An	16/03/2023	78.0	BT	9.0	BT
2	Phạm Khánh An	20/02/2023	76.0	BT	8.0	Nhẹ cân
3	Bùi Mai Anh	16/03/2023	79.0	BT	9.0	BT
4	Nguyễn Nhật Anh	15/07/2023	82.0	BT	12.0	BT
5	Nguyễn Việt Hoàng	03/01/2023	80.0	BT	10.5	BT
6	Phùng Tuệ Nhi	03/01/2023	82.0	BT	11.0	BT
7	Nguyễn Thanh Yến	02/09/2023	78.0	BT	10.0	BT
8	Nguyễn Xuân Lộc	27/01/2023	85.0	BT	13.0	BT
9	Nguyễn Gia Huy	13/01/2023	87.0	BT	12.0	BT
10	Phạm Lê Thanh Vân	26/02/2023	77.0	BT	10.0	BT
11	Nguyễn Phúc Gia Bảo	06/06/2023	77.0	BT	10.0	BT

Tổng số trẻ được cân - đo: $11/11 = 100\%$

Số trẻ SDD nhẹ cân: $1/11 = 9\%$

Số trẻ SDD thấp còi: 0

NGƯỜI TỔNG HỢP

Lê Thị Thúy Ân



PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỒNG TRIỀU
TRƯỜNG MẦM NON KIM SƠN

BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE

Lớp 2TB., Ngày 20, Tháng 9, Năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng
1	Phan Minh Châu	17/01/2022	90.0	BT	14.5	BT
2	Lê Hải Đăng	10/04/2022	85.0	BT	11.5	BT
3	Trương Gia Hân	17/01/2022	88.0	BT	13.5	BT
4	Nguyễn Trần Phúc Hưng	26/04/2022	86.0	BT	13.0	BT
5	Đặng Khánh My	15/03/2022	85.0	BT	10.0	BT
6	Nguyễn Tiến Phong	13/04/2022	85.0	BT	10.5	BT
7	Nguyễn Thị Ngọc Bích	14/05/2022	85.0	BT	12.5	BT
8	Từ Huy Hoàng	16/08/2022	87.0	BT	13.5	BT
9	Nguyễn Anh Tú	13/01/2022	88.0	BT	11.5	BT
10	Nguyễn Hưng Thịnh	14/11/2022	88.0	BT	11.6	BT

Tổng số trẻ được cân - đo: 10/10 = 100%
Số trẻ SDD nhẹ cân: 0
Số trẻ SDD thấp còi: 0

NGƯỜI TỔNG HỢP

Lê Thị Thúy Ân



PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG MẦM NON KIM SƠN

BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE

Lớp 2TD, Ngày 20, Tháng 9, Năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng
1	Đặng Minh Anh	05/05/2022	87.0	BT	10.5	BT
2	Nguyễn Hoàng Duy Anh	01/09/2022	82.0	BT	12.0	BT
3	Nguyễn Thị Hồng Anh	07/03/2022	85.0	BT	10.5	BT
4	Lê Bảo Hà	12/07/2022	82.0	BT	10.5	BT
5	Đặng Ngọc Hoàn	31/03/2022	86.0	BT	11.0	BT
6	Nguyễn Sơn Tùng	04/07/2022	83.0	BT	11.0	BT
7	Nguyễn Trường Kỳ	09/08/2022	82.0	BT	10.0	BT
8	Nguyễn Quang Khải	01/04/2022	86.0	BT	11.0	BT
9	Vũ Đức Khang	29/12/2022	83.0	BT	11.0	BT
10	Đoàn Trọng Nhân	15/01/2023	80.0	BT	9.2	BT
11	Lê Thị Diệu Nhi	25/07/2022	85.0	BT	12.5	BT
12	Đặng Thế Sơn	09/05/2022	87.0	BT	11.0	BT
13	Đặng Anh Thư	25/09/2022	86.0	BT	12.5	BT
14	Phạm Tiến Đức Cảnh	03/07/2022	88.0	BT	14.0	BT

Tổng số trẻ được cân - đo: 14/14 = 100%
Số trẻ SDD nhẹ cân: 0
Số trẻ SDD thấp còi: 0

NGƯỜI TỔNG HỢP

Lê Thị Thúy Ân



PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG MẦM NON KIM SƠN

BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE
Lớp 2TC., Ngày 20, Tháng 9, Năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng
1	Nguyễn Ngọc Anh	05/09/2022	80.0	BT	11.0	BT
2	Đinh Bảo Khang	02/03/2022	92.0	BT	14.0	BT
3	Nguyễn Hà Linh	25/03/2022	86.0	BT	12.0	BT
4	Nguyễn Phương Linh	13/08/2022	87.0	BT	13.0	BT
5	Đinh Ngọc Yến Nhi	04/04/2022	83.0	BT	10.5	BT
6	Nguyễn Gia Nhi	01/02/2022	85.0	BT	11.5	BT
7	Nguyễn Quang Quý	21/08/2022	83.0	BT	10.0	BT
8	Trần Minh Tiến	05/04/2022	87.0	BT	11.0	BT
9	Phạm Chí Thanh	04/07/2022	88.0	BT	13.0	BT
10	Phùng Thị Huyền Trang	23/03/2022	85.0	BT	13.0	BT
11	Nguyễn Bảo Khánh	22/06/2022	87.0		12.0	BT
12	Nguyễn Ngọc Lam Anh	28/07/2022	88.0	BT	13.0	BT

Tổng số trẻ được cân - đo: 12/12= 100%
Số trẻ SDD nhẹ cân: 0
Số trẻ SDD thấp còi: 0

NGƯỜI TỔNG HỢP

Lê Thị Thúy Ân

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng
1	Ngô Quốc An	27/07/2021	93,0	BT	14,0	BT
2	Nguyễn Khánh An	13/10/2021	96,0	BT	16,0	BT
3	Phạm Khánh An	17/08/2021	95,0	BT	15,0	BT
4	Đỗ Phương Anh	14/09/2021	92,0	BT	13,0	BT
5	Đặng Quang Bình	13/01/2021	94,0	BT	14,0	BT
6	Vũ Diệp Chi	12/01/2021	95,0	BT	15,0	BT
7	Trần Nguyễn Đức Duy	08/10/2021	93,0	BT	14,5	BT
8	Trần Ánh Dương	04/07/2021	92,0	BT	14,5	BT
9	Nguyễn Thành Đạt	10/01/2021	96,0	BT	15,0	BT
10	Nguyễn Hải Đăng	29/01/2021	95,0	BT	14,5	BT
11	Nguyễn Bảo Hân	14/09/2021	92,0	BT	14,0	BT
12	Ngô Quỳnh Hương	30/07/2021	95,0	BT	15,0	BT
13	Lê Phúc Khang	19/02/2021	93,0	BT	13,0	BT
14	Phạm Quốc Khánh	10/02/2021	99,0	BT	16,0	BT
15	Trần Thành Lộc	11/08/2021	90,0	BT	12,0	BT
16	Nguyễn Khả Ngân	06/04/2021	94,0	BT	16,0	BT
17	Lê Ngọc Băng Tâm	05/06/2021	94,0	BT	15,0	BT
18	Nguyễn Hữu Việt	27/08/2021	90,0	BT	11,5	BT
19	Nguyễn Gia Linh	25/01/2021	95,0	BT	14,5	BT

Tổng số trẻ được cân - đo: 18/18 = 100%

Số trẻ SDD nhẹ cân: 0

Số trẻ SDD thấp còi: 0

NGƯỜI TỔNG HỢP



Lê Thị Thúy Ân



BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE

Lớp 3TB., Ngày 20, Tháng 9, Năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng
1	Kiều Duy Anh	02/05/2021	101,0	BT	14,0	BT
2	Vũ Bảo Anh	01/09/2021	104,0	BT	14,5	BT
3	Nguyễn Hạ Băng	13/04/2021	97,0	BT	14,0	BT
4	Ngô Minh Châu	03/01/2021	105,0	BT	15,5	BT
5	Đặng Phương Chi	02/04/2021	99,0	BT	16,0	BT
6	Nguyễn Phúc Đăng	25/09/2021	95,0	BT	13,5	BT
7	Dương Ngọc Hân	11/03/2021	101,0	BT	16,5	BT
8	Phùng Duy Khánh	25/03/2021	100,0	BT	14,0	BT
9	Trần Gia Khánh	29/06/2021	99,0	BT	13,0	BT
10	Phạm Nguyễn Minh Khôi	05/08/2021	96,0	BT	14,0	BT
11	Nguyễn Gia Linh	30/12/2021	99,0	BT	15,0	BT
12	Ngô Khôi Nguyên	25/06/2021	107,0	BT	16,0	BT
13	Nguyễn Minh Tiến	25/06/2021	97,0	BT	14,0	BT
14	Nguyễn Minh Tùng	25/06/2021	98,0	BT	13,5	BT
15	Bùi Nhã Tuyết	11/08/2021	96,0	BT	14,0	BT
16	Nguyễn Đức Thành	01/03/2021	95,0	BT	12,8	BT
17	Đào Minh Thư	17/11/2021	98,0	BT	14,3	BT
18	Phạm Ngọc Ánh	08/09/2021	94,0	BT	13,0	BT
19	Trịnh Công Vinh	22/03/2021	100,0	BT	15,0	BT

Tổng số trẻ được cân - đo: $19/19 = 100\%$

Số trẻ SDD nhẹ cân: 0

Số trẻ SDD thấp còi: 0

NGƯỜI TỔNG HỢP

Lê Thị Thúy Ân

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG MẦM NON KIM SƠN



BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE

Lớp 3TC., Ngày 20, Tháng 9, Năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng
1	Vũ Huyền Anh	05/12/2021	89,0	BT	13,5	BT
2	Bùi Xuân Bảo	10/11/2021	92,0	BT	15,0	BT
3	Lê Hạ Băng	25/07/2021	98,0	BT	17,0	BT
4	Trần Quang Hải	11/08/2021	94,0	BT	15,0	BT
5	Phạm Gia Hân	06/07/2021	93,0	BT	14,5	BT
6	Lê Gia Huy	28/06/2021	98,0	BT	15,5	BT
7	Phạm Gia Huy	06/07/2021	90,0	BT	13,0	BT
8	Yên Bảo Khang	25/09/2021	93,0	BT	15,0	BT
9	Đặng Vĩ Khôi	09/08/2021	92,0	BT	13,0	BT
10	Trần Văn Lâm	03/03/2021	92,0	Thấp còi	14,0	BT
11	Bùi Thảo Linh	20/03/2021	94,0	BT	13,0	BT
12	Nguyễn Đăng Bảo Minh	03/10/2021	96,0	BT	15,0	BT
13	Nguyễn Hoàng Minh	25/12/2021	89,0	BT	13,0	BT
14	Dương Hà My	25/03/2021	95,0	BT	14,0	BT
15	Trần Tuệ Nhi	13/05/2021	96,0	BT	14,5	BT
16	Lê An Nhiên	10/02/2021	103,0	BT	19,0	BT
17	Phạm Quỳnh Như	04/03/2021	96,0	BT	16,0	BT
18	Phạm Công Phúc	10/03/2021	100,0	BT	18,0	BT
19	Nguyễn Ngọc Phụng	27/10/2021	94,0	BT	14,5	BT
20	Nguyễn Minh Quân	17/05/2021	96,0	BT	14,5	BT
21	Nguyễn Anh Tuấn	06/02/2021	93,0	BT	13,0	BT
22	Tạ Đức Thắng	24/02/2021	101,0	BT	15,5	BT
23	Nguyễn Minh Thư	08/09/2021	91,0	BT	14,0	BT
24	Đặng Tiều Vy	06/04/2021	95,0	BT	14,0	BT

Tổng số trẻ được cân - đo: $24/24 = 100\%$

Số trẻ SDD nhẹ cân: 0

Số trẻ SDD thấp còi: $1/24 = 4,2\%$

NGƯỜI TỔNG HỢP

Lê Thị Thúy Ân



PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG MẦM NON KIM SƠN

BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE

Lớp 3TD., Ngày 20, Tháng 9, Năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng
1	Đặng Huyền Anh	11/10/2021	87,0	BT	12,0	BT
2	Đặng Phương Anh	30/04/2021	92,0	BT	12,0	BT
3	Ngô Minh Đức	21/07/2021	97,0	BT	13,4	p
4	Lý Gia Hân	04/11/2021	95,0	BT	13,0	BT
5	Lê Gia Huy	26/02/2021	98,0	BT	14,0	BT
6	Đặng Ánh Kim	23/05/2021	93,0	BT	12,5	BT
7	Nguyễn Bảo Ngọc	30/08/2021	97,0	BT	14,5	BT
8	Nguyễn Thiên Phúc	06/05/2021	94,0	BT	12,0	BT
9	Đặng Đức Quang	03/04/2021	95,0	BT	13,5	BT
10	Đỗ Minh Quân	10/04/2021	100,0	BT	18,0	BT
11	Lê Gia Toàn	22/02/2021	98,0	BT	15,0	BT
12	Chu Thị Cẩm Tú	02/12/2021	86,0	BT	11,0	BT
13	Đặng Thanh Tùng	21/02/2021	95,0	BT	13,0	BT
14	Đặng Tiến Thuận	27/09/2021	90,0	BT	13,0	BT
15	Đặng Anh Thư	26/03/2021	97,0	BT	13,0	BT
16	Đặng Uyên Thư	03/10/2021	91,0	BT	13,5	BT
17	Đặng Minh Trí	08/03/2021	95,0	BT	14,0	BT
18	Đoàn Thanh Trúc	14/03/2021	97,0	BT	15,0	BT
19	Phạm Ngọc Thanh Trúc	08/04/2021	97,0	BT	14,5	BT
20	Nguyễn Thanh Bình	05/09/2021	93,0	BT	12,5	BT

Tổng số trẻ được cân - đo: 20/20 = 100%

Số trẻ SDD nhẹ cân: 0

Số trẻ SDD thấp còi: 0

NGƯỜI TỔNG HỢP

Lê Thị Thúy Ân

BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE

Lớp 4TA., Ngày 20, Tháng 9, Năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng
1	Vũ Ngọc Tâm An	22/04/2020	101,0	BT	18,5	BT
2	Lê Ngọc Quang Phú	08/01/2020	98,0	BT	15,0	BT
3	Nguyễn Tú Anh	22/08/2020	100,0	BT	15,0	BT
4	Trần Tuấn Anh	28/10/2020	103,0	BT	15,0	BT
5	Đào Gia Bảo	22/04/2020	100,0	BT	15,0	BT
6	Nguyễn Gia Bảo	06/01/2020	101,0	BT	16,0	BT
7	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	12/08/2020	98,0	BT	13,5	BT
8	Đỗ Bảo Diệp Chi	16/01/2020	106,0	BT	18,0	BT
9	Lê Thanh Diệp	02/04/2020	103,0	BT	18,5	BT
10	Nguyễn Gia Hân	10/07/2020	100,0	BT	15,0	BT
11	Tăng Lê Thanh Huyền	02/07/2020	99,0	BT	14,0	BT
12	Bùi Xuân Khang	08/09/2020	97,0	BT	13,0	BT
13	Nguyễn Minh Khang	01/05/2020	95,0	Thấp còi	12,0	Nhẹ cân
14	Hoàng Trung Khôi	13/11/2020	97,0	BT	14,5	BT
15	Bùi Lê Nhật Anh	16/10/2020	100,0	BT	14,0	BT
16	Đặng Hà Minh	13/08/2020	104,0	BT	18,0	BT
17	Nguyễn Anh Minh	04/10/2020	103,0	BT	15,5	BT
18	Dương Hà My	23/06/2020	104,0	BT	17,0	BT
19	Phạm Nhật Nam	19/10/2020	100,0	BT	16,0	BT
20	Cao Bảo Ngọc	07/07/2020	100,0	BT	13,0	BT
21	Nguyễn Bảo Ngọc	10/07/2020	97,0	BT	16,5	BT
22	Nguyễn Nhật Minh	18/03/2020	105,0	BT	18,5	BT
23	Trịnh Trung Nguyên	18/02/2020	107,0	BT	19,0	BT
24	Bùi Yến Nhi	17/02/2020	101,0	BT	15,5	BT
25	Nguyễn Đức Bảo Phúc	22/10/2020	108,0	BT	19,0	BT
26	Nguyễn Minh Phúc	13/08/2020	98,0	BT	13,5	BT
27	Nguyễn Đức Tâm	18/01/2020	99,0	BT	15,0	BT
28	Nguyễn Anh Thư	05/02/2020	98,0	BT	15,0	BT
29	Nguyễn Quỳnh Thư	20/04/2020	107,0	BT	20,0	BT
30	Nguyễn Ngọc Trâm	04/08/2020	98,0	BT	13,5	BT

Tổng số trẻ được cân - đo: $30/30 = 100\%$

Số trẻ SDD nhẹ cân: $1/30 = 3,3\%$

Số trẻ SDD thấp còi: $1/30 = 3,3\%$

NGƯỜI TỔNG HỢP



Lê Thị Thúy Ân



PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG MAM NON KIM SON

BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE

Lớp 4TB., Ngày 20, Tháng 9, Năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng
1	Ngô Mỹ Anh	31/03/2020	104,0	BT	15,0	BT
2	Trần Nguyễn Quỳnh Anh	24/02/2020	101,0	BT	18,5	BT
3	Trần Phạm Đức Anh	20/09/2020	106,0	BT	15,5	BT
4	Nguyễn Gia Bảo	02/01/2020	95,0	Thấp còi	12,5	Nhẹ cân
5	Lê Lộc Bình	12/08/2020	103,0	BT	16,5	BT
6	Phan Bảo Châu	18/12/2020	100,0	BT	14,0	BT
7	NGUYỄN NGỌC DIỆP	02/03/2020	100,0	BT	14,5	BT
8	Nguyễn anh DUY	19/08/2020	100,0	BT	15,0	BT
9	Nguyễn Tùng Dương	21/05/2020	102,0	BT	17,5	BT
10	Đặng Minh Đạt	06/05/2020	105,0	BT	17,0	BT
11	Nguyễn Quang Hải	06/10/2020	100,0	BT	14,0	BT
12	Nguyễn Gia Hân	20/10/2020	96,0	BT	14,5	BT
13	Trần Gia Hân	20/02/2020	104,0	BT	15,0	BT
14	Tạ Ngọc Hiếu	05/09/2020	104,0	BT	16,0	BT
15	Ngô Huy Hoàng	10/08/2020	97,0	BT	14,0	BT
16	Phùng Văn Hường	04/06/2020	112,0	BT	21,0	BT
17	Lò Tuấn Khang	26/08/2020	103,0	BT	14,5	BT
18	Lê Minh Hoàng Khôi	10/12/2020	104,0	BT	16,5	BT
19	Nguyễn Dương Việt Khôi	05/07/2020	104,0	BT	16,0	BT
20	Đỗ Tùng Lâm	10/01/2020	107,0	BT	18,5	BT
21	Ngô Minh Long	08/01/2020	107,0	BT	16,0	BT
22	Nguyễn Quỳnh Như	26/08/2020	99,0	BT	16,0	BT
23	Phạm Minh Phong	11/03/2020	113,0	BT	21,0	BT
24	Nguyễn Hồng Phúc	31/08/2020	103,0	BT	15,0	BT
25	Nguyễn Hà Phương	19/08/2020	95,0	BT	13,5	BT
26	Trần Ngọc Phượng	09/12/2020	100,0	BT	15,0	BT
27	Trần Trường Sơn	07/03/2020	101,0	BT	14,5	BT
28	Hà Thái Toàn	14/09/2020	97,0	BT	13,5	BT
29	Nguyễn Anh Tuấn	20/11/2020	104,0	BT	17,0	BT
30	Nguyễn Minh Tùng	04/01/2020	108,0	BT	18,0	BT
31	Nguyễn Ánh Tuyết	20/02/2020	101,0	BT	15,0	BT
32	Nguyễn Anh Thư	24/01/2020	103,0	BT	16,0	BT

Tổng số trẻ được cân - đo: $32/32 = 100\%$

Số trẻ SDD nhẹ cân: $1/32 = 3,1\%$

Số trẻ SDD thấp còi: $1/32 = 3,1\%$

NGƯỜI TỔNG HỢP

Lê Thị Thúy Ân

BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE

Lớp 4TC.,Ngày 20, Tháng 9, Năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng
1	Đặng Minh Anh	17/06/2020	105,0	BT	15,0	BT
2	Hoàng Mai Anh	07/11/2020	100,0	BT	14,5	BT
3	Nguyễn Quỳnh Anh	05/06/2020	96,0	BT	14,0	BT
4	Vũ Quỳnh Anh	13/11/2020	105,0	BT	15,0	BT
5	Đỗ Gia Bảo	29/05/2020	100,0	BT	15,5	BT
6	Hà Gia Bảo	20/05/2020	107,0	BT	16,5	BT
7	Nguyễn Thái Bình	18/08/2020	104,0	BT	19,5	BT
8	Nguyễn Đức Chung	15/03/2020	102,0	BT	18,0	BT
9	Vũ Minh Duy	01/09/2020	97,0	BT	14,5	BT
10	Nguyễn Đại Dương	24/11/2020	102,0	BT	15,5	BT
11	Nguyễn Minh Đức	24/12/2020	95,0	BT	14,0	BT
12	Nguyễn Gia Huy	28/04/2020	103,0	BT	14,5	BT
13	Bùi Duy Hưng	03/11/2020	103,0	BT	14,0	BT
14	Nguyễn Gia Khánh	05/09/2020	98,0	BT	15,5	BT
15	Lê Hoàng Lan	19/01/2020	110,0	BT	17,0	BT
16	Lưu Diệu Linh	02/02/2020	102,0	BT	15,0	BT
17	Nguyễn Gia Linh	11/08/2020	103,0	BT	14,5	BT
18	Nguyễn Gia Linh	21/06/2020	103,0	BT	16,5	BT
19	Lê Hà My	11/06/2020	100,0	BT	15,5	BT
20	Nguyễn Hạnh Kim Ngân	28/09/2020	102,0	BT	15,0	BT
21	Nguyễn Đức Nhân	27/04/2020	99,0	BT	13,5	BT
22	Hoàng Minh Nhật	01/05/2020	101,0	BT	15,5	BT
23	Trần Minh Quân	07/12/2020	103,0	BT	16,5	BT
24	Vũ Minh Tâm	20/01/2020	110,0	BT	19,0	BT
25	Lục Quốc Thái	01/07/2020	107,0	BT	19,0	BT
26	Đỗ Anh Thư	16/09/2020	98,0	BT	15,0	BT
27	Nguyễn Minh Trí	21/10/2020	99,0	BT	15,0	BT
28	Trịnh Chấn Vũ	13/01/2020	107,0	BT	15,0	BT
29	Ngô Hà Vy	16/05/2020	105,0	BT	16,5	BT
30	Phạm Trúc Vy	25/10/2020	104,0	BT	17,0	BT

Tổng số trẻ được cân - đo: 30/30 = 100%

Số trẻ SDD nhẹ cân: 0

Số trẻ SDD thấp còi: 0

NGƯỜI TỔNG HỢP



Lê Thị Thúy Ân

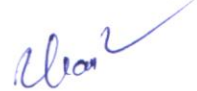
TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng
1	Nguyễn Thùy Anh	24/03/2020	105,0	BT	17,0	BT
2	Bùi Thảo Đan	06/04/2020	102,0	BT	17,5	BT
3	Nguyễn Ngọc Linh Đan	23/12/2020	100,0	BT	18,0	BT
4	Nguyễn hải đăng	03/05/2020	99,0	BT	15,0	BT
5	Nguyễn Ngọc Gia hân	03/01/2020	106,0	BT	16,5	BT
6	Nguyễn Thanh Huyền	27/07/2020	96,0	BT	13,0	BT
7	Đặng Tuấn Khang	28/05/2020	108,0	BT	18,5	BT
8	Lê Bảo Khang	13/06/2020	97,0	BT	14,5	BT
9	Nguyễn hữu minh khôi	07/12/2020	97,0	BT	14,5	BỀ
10	Đỗ Minh Khôi	20/03/2020	100,0	BT	16,0	BT
11	Nguyễn Anh Khôi	11/02/2020	103,0	BT	19,0	BT
12	Đặng Tuệ Lâm	03/05/2020	99,0	BT	17,0	BT
13	Nguyễn Ngọc Bảo Linh	01/09/2020	99,0	BT	14,5	BT
14	Lê Bảo Long	27/11/2020	94,0	BT	16,0	BT
15	Đặng Lê Gia Minh	24/07/2020	104,0	BT	15,0	BT
16	Đặng Thiên mỹ	24/03/2020	102,0	BT	15,5	BT
17	Đặng Như ngọc	15/02/2020	95,0	Thấp còi	14,0	BT
18	Đặng BẢO Ngọc	29/09/2020	101,0	BT	17,0	BT
19	Nguyễn Tiên Phát	15/11/2020	95,0	BT	14,5	BT
20	Đặng Minh Phúc	22/04/2020	101,0	BT	16,0	BT
21	Nguyễn Quỳnh Thu	22/11/2020	95,0	BT	14,5	BT

Tổng số trẻ được cân - do: 21/21 = 100%

Số trẻ SDD nhẹ cân: 0

Số trẻ SDD thấp còi: 1/21=4,8%

NGƯỜI TỔNG HỢP



Lê Thị Thúy Ân



PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG MẦM NON KIM SƠN

BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE

Lớp 5TA., Ngày 20, Tháng 9, Năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng	BMI
1	Bùi Diệu Anh	21/12/2019	104,0	BT	17,0	BT	
2	Đặng thân Duy Anh	28/05/2019	113,0	BT	18,0	BT	14,1
3	Mai Bảo Anh	17/12/2019	100,0	BT	14,0	BT	
4	Nguyễn Hà Anh	09/11/2019	105,0	BT	19,0	BT	
5	Tạ Minh Anh	16/09/2019	101,0	BT	14,0	BT	
6	Đinh Trần Gia Bảo	02/01/2019	106,0	BT	17,0	BT	15,1
7	Đinh Bảo Châu	06/09/2019	114,0	BT	21,5	BT	
8	Đỗ Ánh Dương	17/04/2019	103,0	BT	14,5	BT	13,7
9	Lê Trung Hiếu	22/01/2019	108,0	BT	19,0	BT	16,3
10	Trần Minh Khang	16/09/2019	109,0	BT	17,0	BT	
11	Đặng Trí Lâm	28/08/2019	113,0	BT	18,0	BT	14,1
12	Nguyễn Tuệ Lâm	19/10/2019	108,0	BT	16,5	BT	
13	Phùng Gia Linh	22/02/2019	103,0	BT	15,0	BT	14,1
14	Trần Khánh Ly	20/09/2019	110,0	BT	18,0	BT	
15	Đinh Thành Nam	06/09/2019	105,0	BT	15,0	BT	
16	Nguyễn Yến Nhi	04/03/2019	105,0	BT	15,0	BT	13,6
17	Nguyễn Hải Phong	24/03/2019	109,0	BT	17,0	BT	14,3
18	Đinh Đức Toàn	22/02/2019	115,0	BT	19,5	BT	14,7
19	Nguyễn Hưng Thịnh	01/07/2019	113,0	BT	21,0	BT	16,4
20	Nguyễn Thanh Trà	22/01/2019	112,0	BT	18,0	BT	14,3
21	Nguyễn Thanh Trà	09/03/2019	108,0	BT	17,5	BT	15,0
22	Lê Bảo Trâm	02/10/2019	91,0	Thấp còi	14,0	BT	
23	Lê Quốc Trung	27/10/2019	109,0	BT	19,0	BT	
24	Bùi Quốc Vượng	17/12/2019	105,0	BT	17,5	BT	

Tổng số trẻ được cân - đo: 24/24 = 100%

Số trẻ SDD nhẹ cân: 0

Số trẻ SDD thấp còi: 1/24 = 4,2%

NGƯỜI TỔNG HỢP

Lê Thị Thúy Ân



PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG MẦM NON KIM SƠN

BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE

Lớp 5TB..Ngày 20, Tháng 9, Năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng	BMI
1	Nguyễn Khánh An	14/07/2019	114,0	BT	21,0	BT	16,2
2	Nguyễn Quỳnh Anh	21/08/2019	105,0	BT	15,5	BT	14,1
3	Nguyễn Tuấn Anh	13/12/2019	106,0	BT	20,0	BT	
4	Nguyễn Minh Châu	20/06/2019	110,0	BT	20,0	BT	16,5
5	Nguyễn Thị Ánh Dương	27/04/2019	109,0	BT	18,0	BT	15,2
6	Trương Thoại Đức	12/08/2019	114,0	BT	21,0	BT	16,2
7	Đặng Bùi Thanh Hải	02/11/2019	96,0	Thấp còi	15,0	BT	
8	Lê Vũ Ngọc Hân	03/10/2019	108,0	BT	16,5	BT	
9	Nguyễn Bảo Hân	02/09/2019	108,0	BT	18,0	BT	
10	Nguyễn Trần Bảo Hân	06/03/2019	105,0	BT	17,0	BT	15,4
11	Phạm Bùi Minh Hiếu	22/04/2019	116,0	BT	22,0	BT	16,3
12	Vũ Nguyễn Mai Hương	18/01/2019	107,0	BT	17,0	BT	14,8
13	Trần Minh Khang	13/05/2019	110,0	BT	20,0	BT	16,5
14	Đặng Phạm Minh Khôi	13/11/2019	107,0	BT	20,0	BT	
15	Nguyễn Anh Khôi	25/10/2019	103,0	BT	15,0	BT	
16	Nguyễn Quân Lâm	20/12/2019	115,0	BT	22,0	BT	
17	Nguyễn Thanh Lâm	10/10/2019	105,0	BT	19,0	BT	
18	Đoàn Phúc Lộc	23/12/2019	106,0	BT	16,5	BT	
19	Đỗ Thị Kiều Mai	02/11/2019	110,0	BT	19,0	BT	
20	Phạm Anh Minh	27/12/2019	108,0	BT	18,0	BT	
21	Chu Tuệ Nhi	14/03/2019	112,0	BT	20,5	BT	16,3
22	Trần Đăng Quang	20/12/2019	102,0	BT	17,0	BT	
23	Trịnh Minh Quân	24/08/2019	108,0	BT	18,0	BT	15,4
24	Vũ Hồng Quân	26/09/2019	108,0	BT	18,5	BT	
25	Vũ Thanh Trúc	07/02/2019	110,0	BT	17,0	BT	14,0
26	Nguyễn Đức Anh Vũ	27/05/2019	107,0	BT	19,0	BT	16,6
27	Trần Hải Vy	26/09/2019	116,0	BT	24,0	BT	
28	Đoàn trung Nam	17/04/2019	106,0	BT	15,0	BT	13,3

Tổng số trẻ được cân - đo: $28/28 = 100\%$

Số trẻ SDD nhẹ cân: 0

Số trẻ SDD thấp còi: $1/28 = 3,6\%$

NGƯỜI TỔNG HỢP

Lê Thị Thúy Ân



PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG MẦM NON KIM SƠN

BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE

Lớp 5TC., Ngày 20, Tháng 9, Năm học 2024 - 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng	BMI
1	Trịnh Bảo An	06/06/2019	109,0	BT	20,0	BT	16,8
2	Đặng Nhật Anh	04/06/2019	110,0	BT	19,5	BT	16,1
3	Đoàn Đặng Thùy Anh	08/09/2019	107,0	BT	17,0	BT	
4	Nguyễn Kim Anh	31/07/2019	113,0	BT	20,0	BT	15,7
5	Phạm Minh Anh	04/05/2019	112,0	BT	21,0	BT	16,7
6	Tăng Quỳnh Anh	25/09/2019	107,0	BT	17,0	BT	
7	Đỗ Nguyên Bình	27/10/2019	107,0	BT	20,0	BT	
8	Hồ Nguyễn Minh Đức	25/01/2019	113,0	BT	19,0	BT	14,9
9	Vũ Minh Đức	25/01/2019	111,0	BT	20,0	BT	16,2
10	Nguyễn Quang Hải	19/10/2019	107,0	BT	19,5	BT	
11	Nguyễn Trần Gia Hân	28/05/2019	112,0	BT	20,0	BT	15,9
12	Mai Huy Hoàng	22/07/2019	108,0	BT	17,5	BT	15,0
13	Nguyễn Gia Hưng	12/04/2019	108,0	BT	18,5	BT	15,9
14	Lại Minh Khang	18/05/2019	120,0	BT	33,0	Béo phì	22,9
15	Nguyễn Minh Khang	06/11/2019	103,0	BT	15,0	BT	
16	Tăng Bá Minh Khang	26/02/2019	118,0	BT	20,0	BT	14,4
17	Nguyễn Anh Khoa	10/01/2019	105,0	BT	15,5	BT	14,1
18	Nguyễn Minh Khôi	23/12/2019	108,0	BT	18,5	BT	
19	Hoàng Phương Linh	04/02/2019	107,0	BT	18,0	BT	15,7
20	Trần Gia Linh	27/11/2019	108,0	BT	17,5	BT	
21	Nguyễn Thị Hồng Ngân	24/01/2019	113,0	BT	21,0	BT	16,4
22	Lê Bảo Ngọc	13/10/2019	113,0	BT	17,5	BT	
23	Lê Ngọc An Nhiên	11/03/2019	110,0	BT	16,5	BT	13,6
24	Nguyễn Quỳnh Như	05/01/2019	113,0	BT	18,0	BT	14,1
25	Đinh Trường Phúc	28/10/2019	106,0	BT	17,0	BT	
26	Tô Hoàng Sơn	16/05/2019	105,0	BT	15,5	BT	14,1
27	Vũ Phương Thảo	14/09/2019	105,0	BT	15,5	BT	
28	Trần Đức Thắng	28/10/2019	109,0	BT	17,0	BT	
29	Nguyễn Anh Thư	19/09/2019	110,0	BT	19,5	BT	
30	Lê Quỳnh Trang	06/11/2019	107,0	BT	18,5	BT	
31	Trần Quang Vũ	23/09/2019	102,0	BT	16,5	BT	

Tổng số trẻ được cân - đo: $31/31 = 100\%$

Số trẻ SDD nhẹ cân: 0

Số trẻ SDD thấp còi: 0

Số trẻ thừa cân- béo phì: $1/31 = 3,2\%$

NGƯỜI TỔNG HỢP

Lê Thị Thúy Ân



PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG MẦM NON KIM SƠN

BẢNG CÂN ĐO SỨC KHỎE

Lớp 5TD., Ngày 20, Tháng 9, Năm học 2024- 2025

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Cao (cm)	Tình trạng	Nặng (Kg)	Tình trạng	BMI
1	Đặng Diệp Quỳnh Anh	31/08/2019	102,0	BT	16,0	BT	15,4
2	Lê Quỳnh Anh	28/08/2019	112,0	BT	21,0	BT	16,7
3	Vũ Ngọc Bảo Anh	27/10/2019	104,0	BT	18,5	BT	
4	Đặng Tùng Bách	06/06/2019	106,0	BT	18,5	BT	16,5
5	Đặng Bảo Châm	30/04/2019	108,0	BT	18,0	BT	15,4
6	Dương Ngọc Châu	07/03/2019	110,0	BT	19,0	BT	15,7
7	Đỗ Hải Diễm	30/11/2019	105,0	BT	17,0	BT	
8	Đoàn Linh Đan	04/05/2019	105,0	BT	18,0	BT	16,3
9	Nguyễn Gia hân	18/03/2019	109,0	BT	17,0	BT	14,3
10	Đặng Gia Hân	02/01/2019	105,0	BT	17,5	BT	15,9
11	Đặng Lê Gia Hân	26/10/2019	102,0	BT	16,5	BT	
12	Đặng Ngọc Hân	18/03/2019	104,0	BT	16,0	BT	14,8
13	Đặng Ngọc Hân	12/01/2019	104,0	BT	18,0	BT	16,6
14	Lê Gia Hân	15/07/2019	112,0	BT	21,0	BT	16,7
15	Nguyễn Bảo Hân	12/08/2019	106,0	BT	18,0	BT	16,0
16	Nguyễn Ngọc Mai Hân	28/10/2019	106,0	BT	17,0	BT	
17	Đặng Quang Huy	09/02/2019	110,0	BT	20,0	BT	16,5
18	Nguyễn Đức Huy	18/05/2019	108,0	BT	18,0	BT	15,4
19	Phùng Gia Hưng	11/07/2019	110,0	BT	17,5	BT	14,5
20	Đặng Minh Khôi	21/02/2019	110,0	BT	18,5	BT	15,3
21	Lê Thị Ngọc Minh	27/04/2019	104,0	BT	17,5	BT	16,2
22	Lê Phương Thảo My	03/01/2019	108,0	BT	15,5	BT	13,3
23	Lê Thị Trà My	17/12/2019	106,0	BT	17,0	BT	
24	Đặng Bảo Ngọc	17/09/2019	106,0	BT	17,5	BT	
25	Nguyễn Bảo Ngọc	04/09/2019	105,0	BT	17,0	BT	
26	Nguyễn Ngọc Nhi	03/11/2019	107,0	BT	18,5	BT	
27	Đặng An Nhiên	05/11/2019	100,0	BT	16,0	BT	
28	Đặng Gia Phong	22/07/2019	110,0	BT	20,0	BT	16,5
29	Phạm Thu Phương	18/09/2019	109,0	BT	18,0	BT	
30	Nguyễn Thị Như Quỳnh	01/10/2019	101,0	BT	16,0	BT	
31	Nguyễn Minh Tùng	08/07/2019	104,0	BT	17,0	BT	15,7
32	Nguyễn Phương Thảo	02/08/2019	106,0	BT	16,5	BT	14,7
33	Trần Phương Thảo	19/12/2019	104,0	BT	17,5	BT	
34	Phạm Đức Thiện	12/12/2019	108,0	BT	18,0	BT	
35	Nguyễn Thùy Trang	09/05/2019	111,0	BT	18,0	BT	14,6

Tổng số trẻ được cân - đo: 35/35 - 100%

Số trẻ SDD nhẹ cân: 0

Số trẻ SDD thấp còi: 0

Số trẻ thừa cân - béo phì : 0

NGƯỜI TỔNG HỢP

Lê Thị Thúy Ân